

Số: 02 / 2024/CV-JVC

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

(V/v: CBTT BCTC năm 2023 đã kiểm
toán và Giải trình biến động LNST)

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN Y TẾ VIỆT NHẬT
- Mã chứng khoán: JVC
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243 683 0516 Fax: 0243 683 0578
- Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Thanh Nam**
- Địa chỉ: Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 683 0516
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu : định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật công bố Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 - 31/12/2023) đã được kiểm toán đã được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn:
<https://ytevietnhat.com.vn/danh-muc-tin/thong-bao-co-dong-33>
- Giải trình Báo cáo tài chính Năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 – 31/12/2023) đã được kiểm toán do Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước, và Lợi nhuận sau thuế chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này, cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 - 31/12/2023)



STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	589.029.974.757	482.717.557.099	106.312.417.658	22,02%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	478.133.054	1.043.541.727	(565.408.673)	(54,18%)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	588.551.841.703	481.674.015.372	106.877.826.331	22,19%
4	Giá vốn hàng bán	454.225.481.241	389.307.122.989	64.918.358.252	16,68%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.326.360.462	92.366.892.383	41.959.468.079	45,43%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24.122.858.179	15.713.911.526	8.408.946.653	53,51%
7	Chi phí tài chính	5.752.695.897	11.489.738.981	(5.737.043.084)	(49,93%)
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.291.623.181	3.379.499.277	1.912.123.904	56,58%
9	Chi phí bán hàng	71.289.684.508	58.110.886.064	13.178.798.444	22,68%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.342.193.407	42.987.402.116	(5.645.208.709)	(13,13%)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.064.644.829	(4.507.223.252)	48.571.868.081	1.077,65%
12	Thu nhập khác	13.119.868.670	12.422.827.994	697.040.676	5,61%
13	Chi phí khác	675.456.098	11.980.881.673	(11.305.425.575)	(94,36%)
14	Lợi nhuận khác	12.444.412.572	441.946.321	12.002.466.251	2.715,82%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.509.057.401	(4.065.276.931)	60.574.334.332	1.490,04%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.482.618.365		3.482.618.365	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.026.439.036	(4.065.276.931)	57.091.715.967	1.404,37%

Giải trình:

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính riêng kiểm toán 2023 so với số liệu cùng kỳ năm 2022 có sự chênh lệch vượt quá 10%. Công ty xin được giải trình như sau:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** và **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng 22% nhờ sự tăng trưởng doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh thiết bị, kinh doanh dịch vụ liên kết, kinh doanh dịch vụ và linh kiện so với cùng kỳ năm trước. Tương ứng với đó **Giá vốn hàng bán** tăng 16,68%, **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng 45% so với cùng kỳ năm 2022.
- **Doanh thu hoạt động tài chính** tăng 54% ghi nhận từ lợi nhuận các khoản đầu tư của công ty trong năm.

- **Chi phí tài chính** giảm 50% do năm 2023 Công ty con của Công ty đều ghi nhận kết quả kinh doanh lãi, không phải trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con như năm 2022.

- **Chi phí bán hàng** tăng 22,68% do Công ty đẩy mạnh mở rộng kinh doanh, có nhiều dự án mới dẫn đến các chi phí phục vụ kinh doanh đi kèm tăng.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 13,13% do Công ty thực hiện cắt giảm triệt để các chi phí quản lý, cắt giảm nhân sự.

Tổng hòa các yếu tố trên khiến chỉ tiêu **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng 1.077,65%, từ lỗ năm trước sang lãi năm nay.

- **Thu nhập khác** tăng 5,61% do đánh giá góp vốn và chuyển nhượng công ty con.

- **Chi phí khác** giảm 94,36% do năm 2023 không phát sinh lỗ từ hoạt động hợp tác đầu tư và chi phí khấu hao của các tài sản còn khấu hao nhưng đã hết hợp đồng liên kết tài sản như năm 2022. Từ đó **Lợi nhuận khác** tăng 2.715,82%.

=> Từ những biến động trên. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** tăng 1.490,04% và **Lợi nhuận sau thuế TNDN** cùng tăng 1.404,37%.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 - 31/12/2023)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	576.765.288.859	485.445.677.224	91.319.611.635	18,81%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	478.133.054	235.420.477	242.712.577	103,10%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	576.287.155.805	485.210.256.747	91.076.899.058	18,77%
4	Giá vốn hàng bán	437.423.714.688	395.832.434.259	41.591.280.429	10,51%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.863.441.117	89.377.822.488	49.485.618.629	55,37%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24.142.958.769	15.728.419.840	8.414.538.929	53,50%
7	Chi phí tài chính	6.293.115.650	5.632.449.863	660.665.787	11,73%
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	5.291.623.181	3.379.499.277	1.912.123.904	56,58%
9	Chi phí bán hàng	69.946.367.925	58.567.257.183	11.379.110.742	19,43%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.609.396.833	47.079.040.198	(5.469.643.365)	(11,62%)
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.157.519.478	(6.172.504.916)	51.330.024.394	831,59%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
12	Thu nhập khác	11.442.227.037	13.909.098.966	(2.466.871.929)	(17,74%)
13	Chi phí khác	675.474.587	11.981.719.972	(11.306.245.385)	(94,36%)
14	Lợi nhuận khác	10.766.752.450	1.927.378.994	8.839.373.456	458,62%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.924.271.928	(4.245.125.922)	60.169.397.850	1.417,38%
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.482.618.365	-	3.482.618.365	
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(198.188.834)	971.457.824	(1.169.646.658)	(120,40%)
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.639.842.397	(5.216.583.746)	57.856.426.143	1.109,09%
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	52.634.383.612	(5.161.082.237)	57.795.465.849	1.119,83%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5.458.785	(55.501.509)	60.960.294	109,84%

Giải trình:

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023 so với số liệu cùng kỳ năm 2022 có sự chênh lệch vượt quá 10%. Công ty xin được giải trình như sau:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng 18% nhờ sự tăng trưởng doanh thu từ các lĩnh vực kinh doanh thiết bị, kinh doanh dịch vụ liên kết và các dịch vụ y tế so với cùng kỳ năm trước. Tương ứng với đó **Giá vốn hàng bán** tăng 10,51%, **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng 55,37% so với cùng kỳ năm 2022.

- **Doanh thu hoạt động tài chính** tăng 54% ghi nhận từ lợi nhuận các khoản đầu tư, lãi tiền gửi, tiền cho vay của công ty trong năm.

- **Chi phí tài chính** tăng 11,73% phần lớn từ lãi vay do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính.

- **Chi phí bán hàng** tăng 19,43% do Công ty đẩy mạnh mở rộng kinh doanh, có nhiều dự án mới dẫn đến các chi phí phục vụ kinh doanh đi kèm tăng.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 11,62% do Công ty thực hiện cắt giảm triệt để các chi phí quản lý, cắt giảm nhân sự.

Tổng hòa các yếu tố trên khiến chỉ tiêu **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng 831,59%, từ lỗ năm trước sang lãi năm nay.

- **Thu nhập khác** giảm 17,74% do giảm hoạt động thanh lý tài sản cho khách hàng không phải công ty con.

- **Chi phí khác** giảm 94,36% do năm 2023 không phát sinh lỗ từ hoạt động hợp tác đầu tư và chi phí khấu hao của các tài sản còn khấu hao nhưng đã hết hợp đồng liên kết tài sản như năm 2022. Từ đó **Lợi nhuận khác** tăng 458,62%.

=> Từ những biến động trên. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** tăng 1.109,09% và **Lợi nhuận sau thuế TNDN** cùng tăng 1.119,83%.

3. Giải trình Báo cáo tài chính Năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 – 31/12/2023) đã được kiểm toán do Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế tại BCTC Quý IV năm 2023 so với BCTC năm 2023 đã được kiểm toán có sự biến động hơn 5%, cụ thể như sau:

a. Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 - 31/12/2023)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 Đã kiểm toán	Năm 2023 Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.326.360.462	135.326.254.946	(999.894.484)	(0,74%)
2	Chi phí tài chính	5.752.695.897	7.434.669.227	(1.681.973.330)	(22,62%)
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.342.193.407	39.528.892.211	(2.186.698.804)	(5,53%)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.064.644.829	41.319.149.848	2.745.494.981	6,64%
5	Thu nhập khác	13.119.868.670	12.875.543.948	244.324.722	1,90%
6	Chi phí khác	675.456.098	860.200.350	(184.744.252)	(21,48%)
7	Lợi nhuận khác	12.444.412.572	12.015.343.598	429.068.974	3,57%
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.509.057.401	53.334.493.446	3.174.563.955	5,95%
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	53.026.439.036	50.719.650.254	2.306.788.782	4,55%

Giải trình:

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán so với giá trị lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo tài chính riêng tự lập Quý IV.2023 có sự chênh lệch vượt quá 5%, công ty xin được giải trình như sau:

- **Chi phí tài chính** giảm 22,62% do Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2023, ghi nhận giảm trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con – Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghệ Y Tế Việt Nhật (MIDS) do năm 2023 MIDS có lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dương.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 5,53% do Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2023 đã được kiểm toán, phần lớn từ việc ghi nhận giảm chi phí thường doanh số.
- Từ đó, **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng 6,64% tương ứng 2,7 tỷ đồng.

=> Từ những biến động trên, **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** và **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** tăng tương ứng 5,95% và 4,55%.

b. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 (giai đoạn 01/01/2023 - 31/12/2023)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023 Đã kiểm toán	Năm 2023 Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.863.441.117	137.787.771.767	1.075.669.350	0,78%
2	Chi phí bán hàng	69.946.367.925	71.294.326.701	(1.347.958.776)	(1,89%)
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.609.396.833	43.857.914.435	(2.248.517.602)	(5,13%)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45.157.519.478	40.492.671.306	4.664.848.172	11,52%
5	Thu nhập khác	11.442.227.037	11.197.902.315	244.324.722	2,18%
6	Chi phí khác	675.474.587	860.218.839	(184.744.252)	(21,48%)
7	Lợi nhuận khác	10.766.752.450	10.337.683.476	429.068.974	4,15%
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.924.271.928	50.830.354.782	5.093.917.146	10,02%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.482.618.365	2.614.843.192	867.775.173	33,19%
10	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(198.188.834)	220.038.720	(418.227.554)	(190,07%)
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.639.842.397	47.995.472.870	4.644.369.527	9,68%
12	<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ</i>	<i>52.634.383.612</i>	<i>47.998.513.177</i>	<i>4.635.870.435</i>	<i>9,66%</i>
13	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>5.458.785</i>	<i>(3.040.307)</i>	<i>8.499.092</i>	<i>279,55%</i>

Giải trình:

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán so với giá trị lũy kế từ đầu năm tại Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý IV.2023 có sự chênh lệch vượt quá 5%, công ty xin được giải trình như sau:

- **Chi phí bán hàng** giảm 1,89% do Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2023 điều chỉnh giảm chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm bán vào công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Nghệ Y Tế Việt Nhật.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm 5,13% do Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 đã được kiểm toán, phần lớn từ việc ghi nhận giảm chi phí thường doanh số.

=> Từ những biến động trên, **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** và **Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** tăng tương ứng 10,02% và 9,68%.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP.



PHẠM THANH NAM

